

Số: 14/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý biển
của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVI;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý biển của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVI ngày 02-03/3/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý biển (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý biển của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.



Đình Văn Toàn

19/01/2014

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ BIỂN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
Tiêu chuẩn 1		3.67	2	66.67%	Tiêu chuẩn 7		4.00	5	100%		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4					
Tiêu chuẩn 2		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4					
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8						
Tiêu chí 2.3	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.1	4	4.00	5	100%		
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.4	4
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chuẩn 4					Tiêu chí 8.5	4
Tiêu chuẩn 4		4.00	3	100%	Tiêu chí 9.1	4	3.80	4	80%		
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.2	4					
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.3	4					
Tiêu chí 4.3	4	3.80	4	80%	Tiêu chí 9.4	3					
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chuẩn 9	
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 5.2	4	Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 5.3	3	Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 5.4	4	Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 5.4	4	3.80	4	80%	Tiêu chí 9.4	3	3.83	5	83.33%		
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chuẩn 10					Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 6.1	3				Tiêu chí 10.1	4
Tiêu chí 6.1	3				Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.2	3
Tiêu chí 6.2	4	3.86	6	85.71%	Tiêu chí 10.3	4				4.00	5
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 10.4	4					
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 10.5	4					
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 10.6	4					
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chuẩn 11						
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.1	4	Tiêu chí 11.1	4			
					Tiêu chí 11.2	4	Tiêu chí 11.2	4			
		Tiêu chí 11.3	4	Tiêu chí 11.3	4						
		Tiêu chí 11.4	4	Tiêu chí 11.4	4						
		Tiêu chí 11.5	4	Tiêu chí 11.5	4						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt						
		43			86%						



 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ BIỂN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

*(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý biển (CTĐT) của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2018-2022 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và với mục tiêu giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần có các thông tin cốt lõi về CTĐT và các học phần. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát, cập nhật có cấu trúc và trình tự hợp lý, có sự gắn kết giữa các khối kiến thức. Các hoạt động dạy và học khá đa dạng; hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế được chú trọng. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định và hướng dẫn thực hiện; kết quả được công bố kịp thời giúp sinh viên cải tiến việc học tập; quy trình phúc tra phúc khảo dễ tiếp cận. Công tác quy hoạch, hỗ trợ và phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được quan tâm; giảng viên có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, cập nhật để thực hiện. Hệ thống giám sát tiến độ học tập của người học được vận hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng đáp ứng tốt yêu cầu triển khai CTĐT. Các trang thiết bị thực hành được quản lý, bảo dưỡng và bổ sung, nâng cấp. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thiết lập; kết quả khảo sát được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Tỷ lệ sinh viên có việc làm và việc làm phù hợp cao; nghiên cứu khoa học sinh viên được quan tâm tổ chức khá nền nếp, có kết quả đáng khích lệ.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Xác định tuyên bố rõ ràng định hướng ứng dụng trong mục tiêu của CTĐT; thể hiện rõ mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu hội nhập và đặc thù của ngành tài nguyên môi trường. Sử dụng các động từ phù hợp biểu đạt chuẩn đầu ra để dễ đo lường, đánh giá; xây dựng các yêu cầu năng lực cụ thể của người tốt nghiệp đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam và phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

2. Thể hiện khoa học hơn các nội dung, thông tin trong Bản mô tả CTĐT để tăng hiệu quả truyền thông về CTĐT. Tiếp tục hoàn thiện đề cương các học phần, cập nhật đầy đủ thông tin; rà soát ma trận học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT làm cơ sở bổ sung, cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực quản lý biển; thiết kế nội dung và cách thức giám sát, đánh giá phù hợp đối với hoạt động tự học. Cải tiến và đa dạng các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT để các bên dễ dàng tiếp cận, nắm bắt.

3. Tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, lấy ý kiến của đa dạng các bên liên quan để tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình dạy học và nội dung các học phần để đảm bảo các học phần đều có đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; thiết kế nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy - học, kiểm tra đánh giá học phần phù hợp và đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Rà soát, sắp xếp lại các học phần bắt buộc, tự chọn và bổ sung các hoạt động thực hành; nghiên cứu đề sơ đồ hóa tiến trình đào tạo, các mục tiêu, nhiệm vụ cần đạt trong từng giai đoạn để đáp ứng chuẩn đầu ra và công khai đến người học.

4. Xây dựng hướng dẫn và kế hoạch hành động để chuyển hóa cụ thể triết lý giáo dục vào CTĐT. Định kỳ đánh giá hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học để cải tiến; tăng cường các hoạt động dạy học ứng dụng công nghệ AI, giảng dạy e-learning, sử dụng hệ thống LMS và các phần mềm chuyên dụng. Tăng cường thời lượng dành cho thực hành, thực tập; bổ sung các hướng dẫn cách học, tự học, phương pháp nghiên cứu khoa học và học tập trải nghiệm giúp sinh viên có khả năng học tập suốt đời.

5. Rà soát, cập nhật các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra; xây dựng lộ trình và công cụ đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định. Đa dạng các hình thức đánh giá; xây dựng, hoàn chỉnh ngân hàng câu hỏi thi với tất cả học phần và quy trình xây dựng, thẩm định đề thi, kết quả thi một cách khoa học. Tăng cường công tác giám sát các khâu trong quy trình ra đề, tổ chức thi và lưu trữ kết quả. Khai thác thêm phương án trực tuyến khi nộp đơn phúc tra/phúc khảo và hình thức phản hồi kết quả đánh giá của sinh viên.

6. Có chính sách, cơ chế thu hút và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao, các chuyên gia đầu ngành cho CTĐT. Quy định chi tiết nhiệm vụ kết nối, phục vụ cộng đồng đối với giảng viên để phân công, thực hiện và đánh giá. Quan tâm phát triển nhanh số giảng viên có trình độ cao. Cụ thể hóa yêu cầu về năng lực để đánh giá nhu cầu đào tạo và thực hiện phát triển năng lực theo từng vị trí giảng viên; có hướng dẫn, quy định, quy trình cụ thể để quản trị theo kết quả đầu ra theo hướng coi trọng hiệu quả và cống hiến cá nhân gắn với đãi ngộ để tạo động lực đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy các nghiên cứu khoa học đỉnh cao, liên ngành và chuyển giao, thương mại hóa gắn với phục vụ cộng đồng để khai thác tốt tiềm năng của CTĐT.

7. Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể về đội ngũ nhân viên và có các kế hoạch thực hiện hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng và luân chuyển nhân viên theo vị trí việc làm. Khảo sát nhu cầu nâng cao năng lực theo vị trí việc làm để đào tạo, đội ngũ nhân viên phục vụ hiệu quả cho CTĐT. Sớm ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên và triển khai đánh giá hàng năm gắn với đãi ngộ nhằm tạo động lực cống hiến, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

8. Rà soát tiêu chí và phương thức tuyển sinh, lấy ý kiến của các bên liên quan để cải tiến chính sách tuyển sinh; khảo sát nhu cầu nhân lực để phân tích và dự báo, hoàn thiện chính sách và tiêu chí tuyển chọn phù hợp theo đặc thù của ngành. Có các biện pháp hỗ trợ tích cực để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn; tăng cường các hoạt động thực tập, thực tế, giáo dục định hướng nghề nghiệp với sự tham gia của nhà sử dụng lao động; triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, tăng cường hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp và tìm kiếm việc làm.

9. Tăng cường nguồn học liệu số; đẩy mạnh việc biên soạn bài giảng điện tử ở các cấp độ và tăng cường kết nối, khai thác nguồn tài nguyên học liệu điện tử. Thiết lập phối hợp chặt chẽ giữa thư viện và khoa trong việc rà soát, bổ sung cập nhật tài liệu học tập. Đầu tư hạ tầng công

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

nghe thông tin và cập nhật/bổ sung các phần mềm hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý và chuyên môn; xây dựng đề án chuyển đổi số và tích cực triển khai đồng bộ trong nhà trường. Ưu tiên đầu tư trang thiết bị cho phòng thực hành, thí nghiệm và khai thác hiệu quả phục vụ cho CTĐT.

10. Xác định, tuyên bố rõ ràng quan điểm tiếp cận về thiết kế và phát triển CTĐT; ban hành đồng bộ và nhất quán các quy định, quy trình để triển khai thực hiện. Thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học; rà soát, cải tiến các phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá đồng thời với cải tiến chất lượng CTĐT để đảm bảo đánh giá được chuẩn đầu ra của CTĐT. Đổi mới việc khảo sát các bên liên quan: có cơ chế phối hợp giữa các đơn vị; thực hiện xử lý, phân tích, quản lý dữ liệu đảm bảo tin cậy và sẵn có phục vụ cải tiến CTĐT và yêu cầu của các cấp quản lý.

11. Tích hợp chặt chẽ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên với các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên; tăng cường việc triển khai học tập theo dự án, kết hợp đào tạo và nghiên cứu để hỗ trợ có hiệu quả mục tiêu đào tạo theo tiếp cận CDIO. Quan tâm kết hợp mô hình đào tạo cử nhân - kỹ sư để thu hút các sinh viên có năng lực nghiên cứu và nhu cầu học tập sau tốt nghiệp. Triển khai đồng bộ đề án 1665 về hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp; kiến tạo điều kiện, hoạt động để sinh viên tham gia các hoạt động, đặc biệt là hoạt động thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý biển gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
